

Số: 35/QĐCNVG-TTĐC

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp Giấy chứng nhận VietGAP

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Quyết định 1781/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 2621/TĐC-HCHQ của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ngày 18/9/2018 cấp cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận VietGAP cho sản phẩm trồng trọt tại cơ sở sản xuất:

- Tên cơ sở sản xuất: **Công ty TNHH Đa Sa Thảo Mộc.**
- Địa chỉ liên lạc: Lô 7, Khu NNCNC, ấp Lát, Đạ Sar, Lạc Dương, Lâm Đồng.
- Địa chỉ sản xuất: Khu NNCNC, ấp Lát, Đạ Sar, Lạc Dương, Lâm Đồng.
- Diện tích sản xuất: 10,0 ha.
- Sản phẩm: Rau, quả (Theo Phụ lục Giấy chứng nhận).
- Sản lượng dự kiến: 1.326,0 tấn/năm.
- Mã số chứng nhận: **VietGAP - 082/TĐC.**

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày 01 tháng 11 năm 2025. Trong thời gian hiệu lực chứng nhận, Giám đốc **Công ty TNHH Đa Sa Thảo Mộc** được phép sử dụng dấu chứng nhận theo nội dung quy định tại văn bản ủy quyền của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.



Điều 3. Giám đốc Công ty TNHH Da Sa Thảo Mộc có trách nhiệm duy trì áp dụng VietGAP và chịu sự giám sát của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng định kỳ 12 tháng/01 (một) lần và đánh giá đột xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trưởng phòng Chứng nhận Chất lượng và Giám đốc Công ty TNHH Da Sa Thảo Mộc có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Phòng Chứng nhận Chất lượng;
- Lưu: VT, HSKH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hải



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG



VICAS 012-VietGAP



VietGAP – 082/TĐC
TCVN 11892-1:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN VIETGAP
Mã số: VietGAP - 082/TĐC

- Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Đa Sa Thảo Mộc.
- Địa chỉ liên hệ: Lô 7, Khu NNCNC, Ấp Lát, Đạ Sar, Lạc Dương, Lâm Đồng.
- Địa chỉ sản xuất: Khu NNCNC, Ấp Lát, Đạ Sar, Lạc Dương, Lâm Đồng.
- Tên sản phẩm: Rau quả (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).
- Diện tích sản xuất: 10,0 ha.
- Sản lượng dự kiến: 1.326,0 tấn/năm.

Chứng nhận sản phẩm được sản xuất phù hợp theo TCVN 11892-1:2017 - Tiêu chuẩn Việt Nam về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP); Phần 1: Trồng trọt. Ban hành theo Quyết định số 2802/QĐ-BKHCN ngày 17/10/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia.

Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày: 01/11/2025 và Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/QĐCNVG-TTTĐC, ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng.

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 10 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải

Hiệu lực lần đầu : 02/11/2013

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG,

Địa chỉ: 230 Hoàng Văn Thụ, P.1, TP. Bảo Lộc; Văn phòng: 18 Trần Phú, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
Điện thoại: 0263.3753999; 0263.3833159; Fax: 0263.3533159; 0263.3742222

PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN
(Kèm theo Giấy chứng nhận mang mã số: VietGAP – 082/TĐC,
ngày 28 tháng 10 năm 2022)

**DANH SÁCH CÁC SẢN PHẨM, DIỆN TÍCH
VÀ SẢN LƯỢNG DỰ KIẾN XIN CHỨNG NHẬN**

STT	Tên sản phẩm	Diện tích (ha)	Sản lượng dự kiến (Tấn/năm)
I	Rau ăn lá		
1	Sú trái tim	0,4	60
2	Sú trắng	0,5	100
3	Cải thìa	0,1	16
4	Cải thảo	2,2	240
5	Cần tây	0,2	32
6	Lô lô xanh	0,2	32
7	Bó xôi	0,3	50
8	Xà lách các loại	0,3	48
9	Hành Paro	0,2	32
10	Măng tây	0,2	
11	Tần ô	0,2	28
12	Nấm các loại	0,2	20
13	Rau thơm các loại	0,1	10
II	Rau ăn củ		
1	Cà rốt	0,3	60
2	Củ dền	0,2	30
3	Củ cải trắng	0,3	50
4	Khoai lang	0,3	50
5	Khoai tây	0,6	60
6	Hành tây	0,2	40
III	Rau ăn quả		
1	Cà chua	0,5	70
2	Bí ngòi	0,2	32
3	Đậu Hà Lan	0,2	10
4	Cà tím	0,3	36
5	Dưa leo	0,2	30
6	Ớt chuông	0,2	20
7	Đậu Cove	0,3	24
8	Bí nhật	0,2	32



STT	Tên sản phẩm	Diện tích (ha)	Sản lượng dự kiến (Tấn/năm)
9	Bí mỳ	0,2	32
10	Đậu hạt các loại	0,2	26
IV	Rau ăn bông		
1	Lơ xanh	0,4	50
2	Bông hẹ	0,1	6
	Cộng:	10,0	1.326,0

